

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2023/DS-ST
Ngày: 20-12-2023
Về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay
tài sản, hợp đồng mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Hạnh Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Di

2. Ông Phạm Hồng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tín – Thư ký Tòa án nhân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 169/2023/TLST-DS ngày 31-7-2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2023/QĐXXST-DS ngày 02-11-2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2023/QĐST-DS ngày 21-11-2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Viết T, sinh năm 1979; địa chỉ: A, tổ A, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Tạ Thái T1, sinh năm 1978; địa chỉ: A, tổ A, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông T1: Ông Phan Phúc Trần K, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; là đại diện theo Giấy ủy quyền ngày 30-8-2023 (vắng mặt).

2.2. Bà Trần Huỳnh C, sinh năm 1992; địa chỉ: A, tổ A, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là ông Đỗ Viết T trình bày:

Ngày 09-02-2023, ông Đỗ Viết T cho ông Tạ Thái T1 và bà Trần Huỳnh C vay số tiền 250.000.000đ, hai bên có lập Giấy tay mượn tiền, không có thời hạn vay nhưng các bên có thỏa thuận nếu khi nào ông T cần lấy lại tiền thì báo trước cho ông T1, bà C 02 tháng; lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/tháng nhưng thực tế mỗi tháng ông T nhận tiền lãi của số tiền 250.000.000đ là 8.000.000đ; ông T đã nhận được tiền lãi của 03 tháng đầu, tổng là 24.000.000đ.

Khoảng tháng 3-2023, ông T cần tiền nên ông T báo với ông T1, bà C đến cuối tháng 5-2023, ông T sẽ lấy lại số tiền cho vay 250.000.000đ nhưng ông T1, bà C không trả.

Cùng ngày 09-02-2023, ông T có bán cho ông T1 02 cây mai với số tiền 210.000.000đ, các bên có lập giấy mua bán; ông T1 đã trả trước cho ông T 40.000.000đ; còn lại 170.000.000đ ông T1 hứa đến ngày 30-6-2023 trả hết số tiền còn lại cho ông T. Sau đó, ông T1 trả thêm cho ông T số tiền mua 02 cây mai là 10.000.000đ vào ngày 21-5-2023 và 20.000.000đ vào ngày 11-6-2023. Các bên có thỏa thuận miệng bắt đầu từ ngày 09-7-2023 ông T1 phải trả cho ông T 70.000.000đ và ngày 09-8-2023 ông T1 phải trả thêm 70.000.000đ số tiền mua 02 cây mai; tuy nhiên đến ngày 09-7-2023 ông T1 vẫn không trả tiền cho ông T.

Do đó, ông T khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông T1, bà C phải trả cho ông T tổng số tiền là 390.000.000đ; trong đó 250.000.000đ là tiền ông T cho ông T1, bà C vay và 140.000.000đ là tiền nợ mua 02 cây mai mà ông T1 chưa thanh toán. Ông T không yêu cầu ông T1, bà C trả tiền lãi của khoản vay 250.000.000đ.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, các bị đơn:

Ông Tạ Thái T1 thông qua người đại diện hợp pháp trình bày:

Ông T1 xác nhận có vay ông Đỗ Viết T số tiền 250.000.000đ theo Giấy tay mượn tiền ngày 09-02-2023, về thời hạn cho vay, lãi suất và tiền lãi đã trả như nguyên đơn trình bày. Khoảng tháng 6-2023, ông T yêu cầu ông T1, bà C phải trả cho ông T số tiền 250.000.000đ nhưng ông T1 chưa có tiền trả thì ông T có nhắn tin cho ông T1 gia hạn thời gian đến tháng 12-2023 phải trả hết 250.000.000đ cho ông T nhưng chưa đến thời hạn thì ông T đã khởi kiện.

Đối với số tiền 140.000.000đ là tiền nợ mua 02 cây mai chưa thanh toán như nguyên đơn trình bày; dù các bên thỏa thuận từ ngày 09-7-2023 ông T1 phải trả cho ông T 70.000.000đ và ngày 09-8-2023 phải trả thêm 70.000.000đ tiền mua 02 cây mai nhưng do ông T1 khó khăn nên khoảng đầu tháng 7-2023 ông T1 trả trước cho ông T 50.000.000đ nhưng ông T không nhận mà ông T yêu cầu phải thanh toán đủ 70.000.000đ, do đó cho đến nay ông T1 vẫn còn nợ ông T số tiền mua 02 cây mai là 140.000.000đ.

Hiện nay, ông T1 xác nhận còn nợ ông T tổng số tiền là 390.000.000đ; trong đó 250.000.000đ là tiền vay và 140.000.000đ là tiền mua 02 cây mai chưa thanh toán hết; tuy nhiên do ông T1 đang khó khăn nên đề nghị được trả dần.

Bà Trần Huỳnh C: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà C đến làm việc nhưng bà C vắng mặt không có lý do, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký đúng quy định. Đương sự có mặt tại phiên tòa sơ thẩm chấp hành tốt quy định pháp luật tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tuyên bị đơn phải cho nguyên đơn tổng số tiền là 390.000.000đ; trong đó 250.000.000đ là tiền vay và 140.000.000đ là tiền mua 02 cây mai chưa thanh toán. Về án phí, các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1.] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Tạ Thái T1, bà Trần Huỳnh C có địa chỉ tại xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bà Trần Huỳnh C, ông Tạ Thái T1 và người đại diện hợp pháp của ông T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu đòi lại số tiền cho vay 250.000.000đ của nguyên đơn:

Nguyên đơn là ông T và người đại diện hợp pháp của ông T1 đều thừa nhận ngày 09-02-2023, ông T1 và bà C có vay của ông T số tiền 250.000.000đ, hai bên có lập Giấy tay mượn tiền, không có thời hạn vay nhưng các bên có thỏa thuận nếu khi nào ông T cần lấy lại tiền thì báo trước cho ông T1, bà C 02 tháng; lãi suất hai bên thỏa thuận là 3% tháng nhưng thực tế mỗi tháng ông T nhận tiền lãi của số tiền vay 250.000.000đ là 8.000.000đ; ông T đã nhận được tiền lãi đến ngày 09-5-2023, tổng là 24.000.000đ. Giấy tay mượn tiền nêu trên đều có chữ ký của ông T, ông T1 và bà C.

Về thời điểm nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền vay cho nguyên đơn: Ông T cho rằng khoảng tháng 3-2023 thì ông T đã báo cho ông T1, bà C cuối tháng 5-2023 ông T sẽ lấy lại số tiền 250.000.000đ đã cho ông T1, bà C vay nhưng ông T1, bà C không trả. Ông T1 cho rằng khoảng tháng 6-2023 ông T có nhắn tin cho ông T1 gia hạn thời gian trả nợ đến tháng 12-2023 nhưng chưa đến thời hạn mà ông T đã khởi kiện.

Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn đều không cung cấp được chứng cứ thể hiện thời điểm nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền đã vay; tuy nhiên, cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận bị đơn chỉ mới trả tiền lãi của 03 tháng đầu kể từ thời điểm vay; đại diện ông T1 xác nhận kể từ thời điểm nguyên đơn đòi lại số tiền vay 250.000.000đ thì ông T1 không trả tiền lãi nữa. Như vậy, có căn cứ xác định ông T đã đòi lại số tiền 250.000.000đ sau khi cho ông T1, bà C vay được 03 tháng nên ông T1 mới không tiếp tục trả tiền lãi cho ông T nữa. Ông T không thừa nhận cho ông T1, bà C gia hạn thời gian trả nợ đến tháng 12-2023; do đó, việc ông T1, bà C không trả số tiền đã vay cho ông T là vi phạm nghĩa vụ mà các bên đã thỏa thuận.

Tại Giấy tay mượn tiền ngày 09-02-2023, các bên có thỏa thuận lãi suất của khoản vay 250.000.000đ là 3%/tháng nhưng thực tế là 3,2%/tháng là cao hơn lãi suất thỏa thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, ông T1 không có yêu cầu gì về vấn đề này; mặt khác, cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm thì bị đơn đã vay tiền của nguyên đơn hơn 10 tháng nhưng chỉ mới trả tiền lãi cho nguyên đơn được 03 tháng nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc là 250.000.000đ, không yêu cầu bị đơn tiếp tục trả tiền lãi cho nguyên đơn. Xét thấy việc này là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét phần thỏa thuận lãi suất vượt quá lãi suất theo quy định. Người đại diện của ông T1 cho rằng ông T1 đang khó khăn nên đề nghị được trả dần nhưng ông T không đồng ý. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền đã vay 250.000.000đ cho nguyên đơn.

[2.2] Đối với yêu cầu thanh toán số tiền nợ mua 02 cây mai 140.000.000đ của nguyên đơn:

Nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của ông T1 đều thừa nhận ngày 09-02-2023, ông T1 có mua 02 cây mai của ông T với số tiền 210.000.000đ, các bên có lập giấy mua bán; ông T1 đã thanh toán cho ông T 03 lần tổng cộng là 70.000.000đ. Các bên có thỏa thuận miệng bắt đầu từ ngày 09-7-2023 ông T1 phải trả cho ông T 70.000.000đ và ngày 09-8-2023 ông T1 phải trả 70.000.000đ số tiền mua 02 cây mai; tuy nhiên đến ngày 09-7-2023 ông T1 vẫn không trả tiền cho ông T.

Xét thấy, tại Giấy mua bán ngày 09-02-2023 chỉ có ông T1 ký tên, bà C không ký tên vào Giấy mua bán này. Theo lời khai của người đại diện hợp pháp của ông T1 thì trong số 02 cây mai mà ông T1 mua của ông T có 01 cây mai được trồng tại nhà của ông T1; bà C là vợ ông T1 và đang sống cùng nhà với ông T1, điều này thể hiện bà C cũng biết được sự việc này. Do đó, ông T yêu cầu ông T1, bà C phải trả số tiền mua 02 cây mai chưa thanh toán là hợp lý, cần được chấp nhận.

Do vậy, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 390.000.000đ; trong đó

250.000.000đ là tiền bị đơn đã vay của nguyên đơn và 140.000.000đ là tiền nợ mua 02 cây mai mà bị đơn chưa thanh toán.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 430, 440, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Đỗ Viết T đối với bị đơn là ông Tạ Thái T1, bà Trần Huỳnh C về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản”:

Ông Tạ Thái T1, bà Trần Huỳnh C phải trả cho ông Đỗ Viết T tổng số tiền là 390.000.000đ (*Ba trăm chín mươi triệu đồng*); trong đó: 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*) là số tiền vay theo Giấy tay mượn tiền ngày 09-02-2023 và 140.000.000đ (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*) là tiền mua 02 cây mai chưa thanh toán hết theo Giấy mua bán ngày 09-02-2023.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Đỗ Viết T không phải chịu, được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.750.000đ (*Chín triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) theo Biên lai thu số 0001933 ngày 26-7-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2.2. Ông Tạ Thái T1, bà Trần Huỳnh C phải chịu 19.500.000đ (*Mười chín triệu, năm trăm ngàn đồng*).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn

kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Long Điền;
- Chi cục THADS huyện Long Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Hồ Hạnh Nguyên

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Sơn Nguyễn Thị Di

Hồ Hạnh Nguyên